

40 BÀI TẬP PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100 NÂNG CAO LỚP 2

Cộng trừ - tìm số - dãy số - bài toán có lời văn; có đáp án

ToanCap1.com - Toán tiểu học

Các bài đều giữ số tự nhiên trong phạm vi 100, tập trung vào cộng trừ, suy luận ngược và tính thuận tiện. Học sinh nên nêu cách nghĩ trước khi ghi đáp số.

Phần 1. Tính nhanh và tính thuận tiện

Câu 1. Tính nhanh: $27 + 13 + 20$.

Đáp số:

Câu 2. Tính nhanh: $46 + 14 - 20$.

Đáp số:

Câu 3. Tính nhanh: $38 + 22 + 10$.

Đáp số:

Câu 4. Tính nhanh: $75 - 25 + 18$.

Đáp số:

Câu 5. Tính nhanh: $64 - 14 - 20$.

Đáp số:

Câu 6. Tính nhanh: $29 + 31 + 15$.

Đáp số:

Câu 7. Tính nhanh: $83 - 33 + 27$.

Đáp số:

Câu 8. Tính nhanh: $48 + 12 - 30$.

Đáp số:

Câu 9. Tính nhanh: $56 - 16 + 39$.

Đáp số:

Câu 10. Tính nhanh: $100 - 37 - 23$.

Đáp số:

Phần 2. Tìm số chưa biết

Câu 11. Tìm X: $X + 28 = 65$.

Đáp số:

Câu 12. Tìm X: $74 - X = 29$.

Đáp số:

Câu 13. Tìm X: $X - 36 = 42$.

Đáp số:

Câu 14. Tìm X: $19 + X = 53$.

Đáp số:

Câu 15. Tìm X: $90 - X = 47$.

Đáp số:

Câu 16. Điền số: $35 + \underline{\hspace{1cm}} = 35 + 27$.

Đáp số:

Câu 17. Điền số: $82 - \underline{\hspace{1cm}} = 82 - 30$.

Đáp số:

Câu 18. Điền số: $\underline{\hspace{1cm}} + 18 = 70$.

Đáp số:

Câu 19. Điền số: $\underline{\hspace{1cm}} - 25 = 44$.

Đáp số:

Câu 20. Điền số: $100 - \underline{\hspace{1cm}} = 36$.

Đáp số:

Phần 3. Dãy số và so sánh

Câu 21. Điền số tiếp theo: 12, 22, 32, $\underline{\hspace{1cm}}$, 52.

Đáp số:

Câu 22. Điền số tiếp theo: 95, 85, 75, $\underline{\hspace{1cm}}$, 55.

Đáp số:

Câu 23. Điền hai số: 7, 17, 27, $\underline{\hspace{1cm}}$, $\underline{\hspace{1cm}}$.

Đáp số:

Câu 24. Điền hai số: 88, 78, 68, __, __.

Đáp số:

Câu 25. Số nào lớn hơn: $38 + 27$ hay $70 - 6$?

Đáp số:

Câu 26. So sánh: $56 - 18$ __ 40 .

Đáp số:

Câu 27. So sánh: $29 + 31$ __ $75 - 15$.

Đáp số:

Câu 28. Tìm số liền trước của kết quả $48 + 22$.

Đáp số:

Câu 29. Tìm số liền sau của kết quả $83 - 24$.

Đáp số:

Câu 30. Một số cộng 17 được 62. Số đó là bao nhiêu?

Đáp số:

Phần 4. Bài toán có lời văn

Câu 31. Lan có 36 nhãn vở, được tặng thêm 28 nhãn. Lan có tất cả bao nhiêu nhãn?

Đáp số:

Câu 32. Minh có 75 viên bi, cho bạn 27 viên. Minh còn bao nhiêu viên?

Đáp số:

Câu 33. Thư viện có 48 truyện tranh và 35 truyện khoa học. Có tất cả bao nhiêu quyển?

Đáp số:

Câu 34. Một cửa hàng có 92 chiếc bút, bán 38 chiếc. Còn lại bao nhiêu chiếc?

Đáp số:

Câu 35. Lớp 2A trồng 27 cây, lớp 2B trồng nhiều hơn 16 cây. Lớp 2B trồng bao nhiêu cây?

Đáp số:

Câu 36. Mai có 63 que tính, ít hơn Nam 18 que. Nam có bao nhiêu que?

Đáp số:

Câu 37. Một đoạn dây dài 80 cm, cắt đi 26 cm. Còn lại bao nhiêu xăng-ti-mét?

Đáp số:

Câu 38. Buổi sáng cửa hàng bán 39 quyển vở, buổi chiều bán 24 quyển. Cả ngày bán bao nhiêu quyển?

Đáp số:

Câu 39. Trong hai hộp có 87 viên bi. Hộp thứ nhất có 45 viên. Hộp thứ hai có bao nhiêu viên?

Đáp số:

Câu 40. An có 28 quả bóng, Bình có 34 quả bóng. Hai bạn cần thêm bao nhiêu quả để có đủ 70 quả?

Đáp số:

Đáp án - Câu 1 đến 20

Câu	Đáp án
1	60
2	40
3	70
4	68
5	30
6	75
7	77
8	30
9	79
10	40
11	37
12	45
13	78
14	34
15	43
16	27
17	30
18	52
19	69
20	64

Đáp án - Câu 21 đến 40

Câu	Đáp án
21	42
22	65
23	37, 47
24	58, 48
25	$38 + 27$ lớn hơn
26	$<$
27	$=$
28	69
29	60
30	45
31	64
32	48
33	83
34	54
35	43
36	81
37	54
38	63
39	42
40	8